

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba
+ Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 867/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp Suối Trầu 3, xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Tân H, xã Tân Hiệp B, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 177/2/6, tổ 1, ấp Suối Q, xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Chị T, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2020, bản tự khai ngày 19/11/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2007. Đến năm 2008 mới đăng kết hôn tại UBND xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2015, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh H thường hay uống rượu về gây gổ, cãi vã đánh đập vợ con và xúc phạm đến cha, mẹ chị, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Thời gian ly thân, chị thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng không có bàn

bạc đoàn tụ. Do, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 02 cháu;

1- Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007.

2- Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010.

Hiện anh H là người đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010; chị đồng ý giao cháu Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007 cho anh H nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2021 bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:*
Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2007. Đến năm 2008 mới đăng kết hôn tại UBND xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh đi làm thợ hồ tại Thành phố Hồ Chí Minh 01 tuần về nhà 02 lần, chị T ở nhà không biết vì lý do gì chị T điện thoại kêu anh về giữ 02 con chung. Khi anh về đến nhà thì biết chị T đã bỏ nhà đi, anh không rõ đi đâu. Sau đó, anh được biết chị T đến tỉnh Bình P sinh sống và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh có đến tìm chị T thì bị bạn trai của chị T đánh anh gãy tay phải, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, việc chị T khai anh đánh đập vợ con và xúc phạm đến cha, mẹ chị là không có. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ, chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì gia đình anh có đạo Thiên chúa, không cho phép vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung.

1- Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007.

2- Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010.

Hiện anh đang nuôi dưỡng từ năm 2015 cho đến nay, chị T bỏ nhà đi không quan tâm, chăm sóc gì đến con chung, chính anh là người trực tiếp chăm sóc cho 02 con chung. Nếu, Tòa án giải quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007, Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007, Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị T, anh H; chị T, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Phương T hộ khẩu thường trú tại xã Bình S, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Anh Vũ Văn H hộ khẩu thường trú tại xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Chị T có đơn tranh chấp ly hôn với anh Vũ Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương T và anh Vũ Văn H chung sống với nhau vào năm 2007. Đến năm 2008 mới đăng kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2008 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị T và anh H có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã và chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại chị T, anh H đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị T yêu cầu ly hôn anh H, anh H không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện để anh H, chị T đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007, Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010.

Hai cháu L và cháu A đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng anh H.

Thấy rằng, thời gian qua anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tốt, chị T bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc gì đến 02 con chung. Hiện tại, anh H có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H, giao 02 cháu Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007, Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Phương T đối với anh Vũ Văn H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn anh Vũ Văn H.

Về con chung: Giao 02 cháu Vũ Đỗ Hoàng L, sinh ngày 01/3/2007, Vũ Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 06/8/2010 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị T có quyền đến thăm con không ai được ngăn

cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0004887 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- UBND xã (phường) đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh